

PHỤ LỤC SỐ 03
DANH MỤC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT CẤP XÃ GIAO CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ QUẢN LÝ, XỬ LÝ
HEO HÌNH THỨC: CHUYỂN ĐỔI CÔNG NĂNG SỬ DỤNG (KHÔNG ĐIỀU CHUYỂN)

(Kèm theo Quyết định số **153**/QĐ-UBND ngày **11/5**/2026 của UBND tỉnh)

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý				Ghi chú	
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng		Loại tài sản
	Tổng số					153				
1	Phường Phố Hiến									
	Bảo hiểm xã hội (cũ) đường Lê Lai, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	841	781	1	1		Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	ĐU - HĐND - UBND phường Minh Khai cơ sở nhà đất số 2 (cũ) Trung Trắc, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	202	290	1	1		Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	ĐU - HĐND - UBND phường Minh Khai cơ sở nhà đất số 3 (cũ) Tân Nhân, phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	1.249	1.200	1	1		Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trạm thú y thành phố Hưng Yên cũ: phường Phố Hiến, tỉnh Hưng Yên	1	10.183.00	200	1	1		Nhà văn hóa Tổ dân phố Ấp Dâu	KCHT - thiết chế VH TT	
2	Phường Sơn Nam									
3	Phường Hồng Châu									
	Trường mầm non An Châu 1, phường Hồng Châu, tỉnh Hưng Yên	1	563.7		1	1	Mở rộng khuôn viên nhà văn hóa An Châu 1	Mở rộng khuôn viên nhà văn hóa An Châu 1	KCHT - thiết chế VH TT	
4	Phường Mỹ Hào									
	Trường Mầm non Phan Đình Phùng: Điểm trường Phúc Xá	1	436	125	1	1		Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường Mầm non Phan Đình Phùng: Điểm trường Yên Xá	1	521	135	1	1		Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường Mầm non Nhân Hòa: Điểm trường An Tháp	1	450	196	1	1		Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý					Ghi chú
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng	Loại tài sản	
	Trường Mầm non Nhân Hòa: Điểm trường Yên Tập	1	100	50	1	1		Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
5	Phường Đường Hào									
6	Phường Thượng Hồng									
7	Xã Tân Hưng									
	Trường Mầm non xã Phương Nam, cơ sở số 2 (thôn Phương Thông)	1	745.3	273.5	1	1		Nhà văn hóa thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
8	Xã Hoàng Hoa Thám									
	Đảng ủy-HĐND-UBND xã Hưng Đạo cũ Địa chỉ: Thôn Tam Nông,	1	10.013	2.363	1	1		Làm khu sinh hoạt cộng đồng, bãi đỗ xe cho nhân dân.	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường THCS Ngô Quyền - cũ	1	8.686	350	1	1		Làm khu sinh hoạt cộng đồng, bãi đỗ xe cho nhân dân.	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường mầm non khu Tiên Xá (cơ sở nhà đất số 7) Địa chỉ: Khu Tiên Xá, Thị trấn vương cũ	1	558.2	85	1	1		Làm khu sinh hoạt cộng đồng, bãi đỗ xe cho nhân dân.	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường mầm non thôn Nghĩa Chế (cơ sở nhà đất số 8) Địa chỉ: Thôn Nghĩa Chế, Thị trấn vương cũ	1	714	105	1	1		Làm khu sinh hoạt cộng đồng, bãi đỗ xe cho nhân dân.	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường mầm non thôn Dị Chế đội 2 (cơ sở nhà đất số 9) Địa chỉ: Thôn Dị Chế, Thị trấn vương cũ	1	854.7	100	1	1		Làm khu sinh hoạt cộng đồng, bãi đỗ xe cho nhân dân.	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường mầm non thôn Dị Chế đội 3 (cơ sở nhà đất số 10) Địa chỉ: Thôn Dị Chế, Thị trấn vương cũ	1	187.9	120	1	1		Làm khu sinh hoạt cộng đồng, bãi đỗ xe cho nhân dân.	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường mầm non thôn Dị Chế đội 5 (cơ sở nhà đất số 11) Địa chỉ: Thôn Dị Chế, Thị trấn vương cũ	1	279.6	110	1	1		Làm khu sinh hoạt cộng đồng, bãi đỗ xe cho nhân dân.	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường mầm non thôn Dị Chế đội 6 (cơ sở nhà đất số 12) Địa chỉ: Thôn Dị Chế, Thị trấn vương, huyện Tiên Lữ, tỉnh Hưng Yên	1	161.6	135	1	1		Làm khu sinh hoạt cộng đồng, bãi đỗ xe cho nhân dân.	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường mầm non thôn Nội Linh nhóm trẻ (cơ sở nhà đất số 13 (Địa chỉ: Thôn Nội Linh, Thị trấn vương cũ	1	818.2	200	1	1		Làm khu sinh hoạt cộng đồng, bãi đỗ xe cho nhân dân.	KCHT - thiết chế VH TT	

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý					Ghi chú
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng	Loại tài sản	
	Trường tiểu học điểm thôn Nội Linh (cơ sở nhà đất số 5(Địa chỉ: Thôn Nội Linh, Thị trấn Vương cũ	1	1666.8	300	1	1		Làm khu sinh hoạt cộng đồng, bãi đỗ xe cho nhân dân.	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường MN Ngô Quyền Khu mẫu giáo thôn Trịnh Mỹ 2 (cơ sở nhà đất số 14) Địa chỉ: Thôn Trịnh Mỹ, Thị trấn Vương cũ	1	252	120	1	1		Làm khu sinh hoạt cộng đồng, bãi đỗ xe cho nhân dân.	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường Tiểu học điểm thôn Trịnh Mỹ (cơ sở nhà đất số 4) Địa chỉ: Thôn Trịnh Mỹ, Thị trấn vương cũ	1	472	200	1	1		Làm khu sinh hoạt cộng đồng, bãi đỗ xe cho nhân dân.	KCHT - thiết chế VH TT	
9	Xã Tiên Lữ									
10	Xã Tiên Hoa									
11	Xã Quang Hưng									
	Trụ sở Đảng ủy HĐND UBND xã Minh Tân cũ	1	1.978.10	672	1	1		Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	<i>cơ sở nhà đất số 2 (Tân Tiến)</i>	1	416.5	126.72	1	1	Sinh hoạt cộng đồng	Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	<i>cơ sở nhà đất số 3: Điểm trường thôn Trần Hạ cũ</i>	1	843	181.97	1	1		Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	<i>cơ sở nhà đất số 2: Điểm trường thôn Thọ Lão Xã Quang Hưng</i>	1	491.8	70	1	1	Sinh hoạt cộng đồng	Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	<i>cơ sở nhà đất số 3: Điểm trường thôn Ngũ Lão Xã Quang Hưng</i>	1	398.9	59.5	1	1	Sinh hoạt cộng đồng	Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý					Ghi chú
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng	Loại tài sản	
12	Xã Đoàn Đào									Số 80/BC-UBND ngày 9/3/2026
	<i>cơ sở nhà đất số 2 (thôn Long Cầu) Xã Đoàn Đào,</i>	1	442.8		1	1				KCHT - thiết chế VH TT
	<i>cơ sở nhà đất số 2 (thôn Phú Mãn)</i>	1	1.665.30	80	1	1		Thiết chế văn hóa	KCHT - thiết chế VH TT	
13	Xã Tiên Tiến									
14	Xã Tổng Trân									
	<i>cơ sở nhà đất số 2 Xã Tổng Trân, tỉnh Hưng Yên</i>	1	671.7	120	1	1	Sinh hoạt cộng đồng	Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
15	Xã Lương Bằng									
	<i>Cơ sở 5</i>	1	1.187		1	1	Sinh hoạt cộng đồng thôn Bằng Ngang	Sinh hoạt cộng đồng thôn Bằng Ngang	KCHT - thiết chế VH TT	
	<i>Cơ sở 4</i>	1	961		1	1	Sinh hoạt cộng đồng thôn thôn Đồng Lý	Sinh hoạt cộng đồng thôn thôn Đồng Lý	KCHT - thiết chế VH TT	
	<i>cơ sở nhà đất số 1 (thôn Cốc Ngang)</i>	1	1.724	590	1	1	Sinh hoạt cộng đồng thôn Cốc Ngang	Sinh hoạt cộng đồng thôn Cốc Ngang	KCHT - thiết chế VH TT	
	<i>cơ sở nhà đất số 3 (thôn Cốc Khê)</i>	1	789	320	1	1	Sinh hoạt cộng đồng thôn Cốc Khê	Sinh hoạt cộng đồng thôn Cốc Khê	KCHT - thiết chế VH TT	
16	Xã Nghĩa Dân									
	<i>Trường mầm non xã Đồng Thanh: Điểm mẫu giáo cũ thôn Bùi Xá (sân kho Bùi Xá)</i>	1	685.7	50	1	1			KCHT - thiết chế VH TT	
	<i>Điểm đất giáo dục cũ thôn Bùi Xá (gần chùa BX)</i>	1	342.7		1	1		Quy hoạch làm khu khuôn viên vui chơi trẻ em của thôn Bùi Xá	KCHT - thiết chế VH TT	
	<i>Trường Tiểu học Toàn Thắng - cơ sở 2 cũ</i>	1	291	100	1	1	Sinh hoạt cộng đồng thôn Nghĩa Giang	Sinh hoạt cộng đồng thôn Nghĩa Giang	KCHT - thiết chế VH TT	
	<i>Trường Mầm non Vinh Xá - cơ sở 3</i>	1	576.9	200	1	1		Nhà văn hóa thôn Toàn Tiến	KCHT - thiết chế VH TT	
17	Xã Hiệp Cường									

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý					Ghi chú	
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng	Loại tài sản		
	<i>cơ sở nhà đất số 2 Thôn Lai Hạ, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên</i>	1	348.0		1	1			Sân thể thao	KCHT - thiết chế VH TT	
	<i>cơ sở nhà đất số 3 Thôn Phương Tông, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên</i>	1	483.0	60.0	1	1			Sân thể thao	KCHT - thiết chế VH TT	
	<i>Trường Tiểu học và THCS Hiệp Cường 2 (Tiểu học và THCS Hùng An cũ) - cơ sở nhà đất số 2 Thôn Phương Tông, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên</i>	1	483.0	60.0	1	1		Sân thể thao	Sân thể thao	KCHT - thiết chế VH TT	
	<i>cơ sở nhà đất số 5 Thôn Lương Xá, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên</i>	1	215.6	60.0	1	1			Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	<i>Trường Mầm non Hiệp Cường 1 (Mầm non Ngọc Thanh cũ) - cơ sở nhà đất số 2 Thôn Ngọc Đồng, xã Hiệp Cường, tỉnh Hưng Yên</i>	1	1.142.00	52	1	1		Nhà văn hóa thôn	Nhà văn hóa thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
18	Xã Đức Hợp										
19	Xã Ân Thi										
20	Xã Xuân Trúc										
21	Xã Phạm Ngũ Lão										
22	Xã Nguyễn Trãi										
23	Xã Hồng Quang										
24	Xã Khoái Châu										
	<i>cơ sở nhà đất số 3 (cũ) đã bàn giao UBND huyện Khoái Châu cũ, tỉnh Hưng Yên</i>	1	1.123.0	846.0	1	1		Trung tâm học tập cộng đồng xã	Sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	ĐU-HĐND-UBND xã Liên Khê cũ	1	6.670.0	2.170.0	1	1		Chuyển đổi công năng sinh hoạt cộng đồng (Nhà văn hóa thôn Kênh Thượng)	Chuyển đổi công năng sinh hoạt cộng đồng (Nhà văn hóa thôn Kênh Thượng)	KCHT - thiết chế VH TT	
25	Xã Triệu Việt Vương										
26	Xã Việt Tiến										
27	Xã Chí Minh										
	<i>Trường Mầm non Đại Hưng thôn 4</i>	1	555.00	200.00	1	1			nhà văn hóa thôn 4 Thuận Hưng	KCHT - thiết chế VH TT	
28	Xã Châu Ninh										
29	Xã Yên Mỹ										
	ĐU-HĐND-UBND xã Lý Thường Kiệt (cũ) (địa chỉ: Thôn Tử Dương, xã Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên)	1	1.709.00	601.00	1	1		Nhà văn hóa thôn Tổ Hóa	sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý				Ghi chú	
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng		Loại tài sản
30	Xã Việt Yên									
31	Xã Hoàn Long									
32	Xã Nguyễn Văn Linh									
33	xã Như Quỳnh									
34	Xã Lạc Đạo	a								
35	Xã Đại Đồng									
	Trường mầm non Đại Đồng điểm trường thôn Đại Từ	1	1.275.90	306	1	1	Sinh hoạt cộng đồng thôn Đại Từ	Sinh hoạt cộng đồng thôn Đại Từ	KCHT - thiết chế VH TT	
36	Xã Nghĩa Trụ									
37	Xã Phụng Công									
38	Xã Văn Giang									
39	Xã Mỹ Sở									
40	Phường Thái Bình									
41	Phường Trần Lâm									
42	Phường Trần Hưng Đạo									
43	Phường Trà Lý									
	Trường mầm non Đông Dương - CS2, xã Đông Dương cũ, thôn Thượng Đạt	1	242.4	242.4	1	1		khu vui chơi giải trí	KCHT - thiết chế VH TT	
	Đất trụ sở UBND xã Đông Dương cũ	1	574.2	574.2	1	1	QH khu vui chơi	QH khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	
	Đất trụ sở UBND xã Đông Dương cũ	1	207.1	207.1	1	1	QH khu vui chơi	QH khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	
44	Phường Vũ Phúc									

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý					Ghi chú
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng	Loại tài sản	
45	Xã Thái Thụy									
	Trụ sở UBND xã Thụy Hải cũ	1	2.530.90	1156.26	1	1	sinh hoạt cộng đồng	sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trụ sở UBND xã Thụy Bình cũ	1	4.726.10	1478.1	1	1	sinh hoạt cộng đồng	sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trụ sở UBND xã Thụy Liên cũ	1	2.449.00	1840	1	1	sinh hoạt cộng đồng	sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trụ sở UBND xã Thụy Lương cũ.	1	820	372	1	1	sinh hoạt cộng đồng	sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trạm y tế thị trấn Diêm Điền	1	1.071.90	610	1	1	sinh hoạt cộng đồng	sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trạm y tế xã Thụy Lương	1	1.707.20	422	1	1	sinh hoạt cộng đồng	sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
46	Xã Đông Thụy Anh									
	Trụ sở UBND xã Hồng Quỳnh cũ	1	11.023.10	679	1	1		nhà văn hóa thôn Bắc Thuận	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trạm Y tế xã Hồng Quỳnh cũ	1	893.6	372.6	1	1		nhà văn hóa thôn Nam Bình	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trạm y tế xã Thụy Xuân cũ	1	1.505.70	519.3	1	1		nhà văn hóa liên thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
47	Xã Bắc Thụy Anh									
48	Xã Thụy Anh									
49	Xã Nam Thụy Anh									
50	Xã Bắc Thái Ninh									
51	Xã Thái Ninh									
	Trụ sở UBND xã Thái Hòa (cũ)	1	2.341.90	491	1	1		nhà văn hóa thôn Từ Các	KCHT - thiết chế VH TT	
52	Xã Đông Thái Ninh									

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý					Ghi chú
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng	Loại tài sản	
53	Xã Nam Thái Ninh									
54	Xã Tây Thái Ninh									
55	Xã Tây Thụy Anh									
56	Xã Tiền Hải									
	Khuôn viên nhà đất Khu B UBND huyện Tiền Hải cũ	1	16.667.0	4.580.9	1	1	Trung tâm chính trị và khu sinh hoạt cộng đồng	Trung tâm chính trị và khu sinh hoạt cộng đồng	Công trình SN - Công trình sự nghiệp khác	
	Phòng y tế Tiền Hải (cũ)	1	501.8	244.8	1	1			KCHT - thiết chế VH TT	
	Trung tâm chính trị huyện Tiền Hải cũ	1	408.0	1.632.0	1	1	Trung tâm chính trị và khu sinh hoạt cộng đồng	Trung tâm chính trị và khu sinh hoạt cộng đồng	Công trình SN - Công trình sự nghiệp khác	
	Trụ sở UBND xã Vũ Lăng cũ	1	4.421.0	2.394.5	1	1		Nhà văn hóa thôn Trung Vương	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trụ sở UBND Tây An cũ	1	3.410.3	580.0	1	1	Chuyển đổi Nhà văn hóa thôn An Khang (do VKS không nhận)	Nhà văn hóa thôn An Khang	KCHT - thiết chế VH TT	
	Khuôn viên nhà đất trường Mầm non Tây Lương thôn Thượng	1	326.0		1	1		Nhà văn hóa Thôn Thượng	KCHT - thiết chế VH TT	
57	Xã Tây Tiền Hải									
58	Xã Ái Quốc									
	Trụ sở UBND xã Tây Tiến cũ	1	3.070.20	1602	1	1	Qh công viên cây xanh (do Ban quân sự đã tiếp nhận trụ sở BCH quân sự huyện Tiền Hải)	Qh công viên cây xanh (do Ban quân sự đã tiếp nhận trụ sở BCH quân sự huyện Tiền Hải)	KCHT - thiết chế VH TT	

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý					Ghi chú
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng	Loại tài sản	
59	Xã Đồng Châu									
	Trường Tiểu học Đông Minh khu B thôn Đồng Châu Nội	1	3.947.00	1.019.20	1	1		chuyển đổi công năng sử dụng sang mục đích đất hội trường thôn và sân thể thao	KCHT - thiết chế VH TT	
60	Xã Đông Tiền Hải									
	Trường Tiểu học Đông Long cũ, thôn Hưng Thịnh	1	1.784.80	318	1	1		giao cho thôn làm sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
61	Xã Nam Cường									
	Trụ sở UBND xã Nam Thắng cũ, thôn Nam Đồng Bắc	1	3,862,4	960	1	1		Nhà văn hóa thôn Nam Đồng Bắc	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trụ sở UBND xã Nam Chính cũ	1	3.873.80	695.2	1	1		nhà văn hoá thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
	UBND xã Nam Thắng cũ thôn Rưỡng Trục Nam	1	1.007.00	107.5	1	1		nhà văn hoá thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường Tiểu học cũ xã Nam Thắng thôn Tân Hưng 2,	1	517.7	217	1	1		nhà văn hoá thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường Tiểu học Nam Thanh thôn Việt Thắng,	1	1.859.00	145	1	1		nhà văn hoá thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
62	Xã Hưng Phú									
63	Xã Nam Tiền Hải									
	Trường Mầm non Nam Hải, thôn An Hạ	1	169	50	1	1		thôn an hạ	KCHT - thiết chế VH TT	
64	Xã Quỳnh Phụ									
	Nhà trẻ cũ tại thôn Lương Mỹ xã Quỳnh Hội cũ	1	643.4	150.7	1	1		khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	
	Nhà trẻ cũ tại thôn Nguyên Xá xã Quỳnh Hội cũ	1	606	173.1	1	1		khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	
	Nhà trẻ cũ tại thôn Phụng Công xã Quỳnh Hội cũ	1	505	158.8	1	1		khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	
	(điểm giáo dục tại thôn Tân Hóa cũ) xã Quỳnh Hội cũ	1	256.6	54.7	1	1		khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	
	Nhà trẻ cũ tại thôn Đông Xá xã Quỳnh Hội cũ	1	823.8	170.8	1	1		khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý					Ghi chú
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng	Loại tài sản	
	(điểm giáo dục đào tạo cũ tại thôn Lương Mỹ cũ) xã Quỳnh Hội cũ	1	143.9	52.1	1	1		khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	
	(Nhà văn hóa La Vân 3 cũ) xã Quỳnh Hồng cũ	1	394	137.6	1	1		khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	
	Địa chỉ nhà đất số 4 tại thôn La Vân (Trụ sở HTX La Vân cũ) xã Quỳnh Hồng cũ	1	808.1	203.3	1	1		khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	
	Nhà trẻ cũ tại thôn Quỳnh Ngọc cũ (1) xã Quỳnh Hồng cũ	1	1.030.30		1	1		khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	
	Nhà trẻ cũ tại thôn Quỳnh Ngọc cũ (2) xã Quỳnh Hồng cũ	1	456.2	166.3	1	1		khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	
	Nhà trẻ cũ tại thôn Cầu xá, xã Quỳnh Hải cũ	1	265.2	90	1	1		khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	
65	Xã Minh Thọ									
	Trụ sở UBND xã Quỳnh Hoa cũ (Thôn Bái Trang)	1	4.538.50	483.8	1	1		quy hoạch cây xanh	KCHT - thiết chế VH TT	
	Điểm trường MN thôn Thượng Xá, xã Quỳnh Minh cũ	1	1.694.60	91	1	1		nhà văn hóa thôn Thượng xá	KCHT - thiết chế VH TT	
	Điểm trường MN thôn An Ký Trung, xã Quỳnh Minh cũ	1	697.3	186.9	1	1		sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Điểm trường Mầm non thôn An Ký Đông, xã Quỳnh Minh cũ	1	401.1	78	1	1		nhà văn hóa thôn An Ký Đông	KCHT - thiết chế VH TT	
66	Xã Nguyễn Du									
67	Xã Quỳnh An									
	Điểm mầm non cũ - Thôn A Mễ, xã Quỳnh Trang cũ	1	512.5	0	1	1		chuyển đổi công năng mở rộng sân vận động thôn A mễ		
	Trường Mầm non cũ xã An Vinh: Khu An Lạc 2 (Thôn An Lạc 2, xã An Vinh cũ)	1	2.811.00	55	1	1		nhà văn hóa thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
68	Xã Ngọc Lâm									
	Trường Mầm non xã Quỳnh Ngọc Thôn Quỳnh Lang (cũ)	1	1.054.00	365	1	1	QH là nhà văn hóa thôn Quỳnh Lang	Nhà văn hóa thôn Quỳnh Lang	KCHT - thiết chế VH TT	

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý					Ghi chú	
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng	Loại tài sản		
69	Xã Đồng Bằng										
	Điểm mẫu giáo cũ Khu An Ấp, xã An Ấp cũ	1	870.3	0	1	1			khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	
	Điểm Mầm non thôn Tư Cương, xã An Cầu cũ	1	482.4	29	1	1			nhà văn hóa thôn Tư Cương	KCHT - thiết chế VH TT	
	Điểm Mầm non thôn Trung Châu Tây, xã An Cầu cũ	1	1.724.20	26	1	1			Nhà văn hóa thôn Trung Châu Tây	KCHT - thiết chế VH TT	
	Điểm Mầm non thôn Lương Cầu, xã An Cầu cũ	1	1.508.70	135	1	1	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Điểm Mầm non xóm 1 thôn Đồng Phúc xã An Lễ cũ	1	418.3	66	1	1			nhà thể thao thôn Đồng Phúc	KCHT - thiết chế VH TT	
	Điểm Mầm non xóm 2 thôn Đồng Phúc xã An Lễ cũ	1	304.7	108	1	1	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Điểm Mầm non xóm 4 thôn Đồng Bằng xã An Lễ cũ	1	254.1	68.7	1	1	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Điểm trường MN cũ (Thôn Lai Ôn) xã An Quý cũ	1	1.606.10	120	1	1	Điều chỉnh lại diện tích đất và sàn sử dụng	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường Mầm non cũ (Thôn Mai Trang) xã An Quý cũ	1	1.232.50	38	1	1	Điều chỉnh lại diện tích sàn sử dụng 1232,5m2	Đất sinh hoạt cộng đồng	Đất sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường Mầm non cũ (Thôn Sài) xã An Quý cũ	1	304.2	41	1	1	Đất sinh hoạt cộng đồng Điều chỉnh lại diện tích sàn sử dụng 304,2m2	Đất sinh hoạt cộng đồng	Điều chỉnh lại diện tích sàn sử dụng 304,2m2	KCHT - thiết chế VH TT	
70	Xã A Sào										
	Điểm trường Mầm non thôn Thượng, xã An Thái cũ	1	703.6	0	1	1			UBND xã An Thái cũ cho nhân dân thôn Thượng làm sân vui chơi và sân thể thao cho thôn (diện tích giảm còn hơn 500m2 do làm đường)	KCHT - thiết chế VH TT	
71	Xã Phú Dực										
	Điểm Mẫu giáo cũ - Tổ 4, thị trấn An Bài cũ	1	1.557.90	420	1	1			sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Điểm Mẫu giáo cũ - Tổ 6 - Thửa số 1, thị trấn An Bài cũ	1	302.5	102	1	1			sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Điểm mẫu giáo cũ - Tổ 6 - Thửa số 2, thị trấn An Bài cũ	1	314.9	142	1	1			sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Điểm Mẫu giáo cũ - Tổ 10, thị trấn An Bài cũ	1	1.965.40	280	1	1			sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý					Ghi chú
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng	Loại tài sản	
	Nhà mẫu giáo cũ thôn Năm thành xã An Ninh cũ	1	59.9	0	1	1		sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Nhà mẫu giáo cũ thôn Kiến Quan xã An Ninh cũ	1	594.6	0	1	1		sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Nhà mẫu giáo cũ thôn An Ninh xã An Ninh cũ	1	253.5	0	1	1		sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Nhà mẫu giáo cũ thôn An Ninh xã An Ninh cũ	1	441.7	130	1	1		sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường Mầm non An Vũ, thôn Đại Điền	1	643.9	110	1	1		sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
72	Xã Tân Tiến									
73	Xã Đông Hưng									
	Trụ sở UBND xã Đông Sơn cũ	1	3.759.20	1.310.00	1	1		nhà văn hóa thôn Trung, chợ Hôm, quỹ tín dụng và hợp tác xã đông sơn	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường MN Đông Sơn Địa chỉ nhà đất 2: Thôn Phần Dũng	1	245.1		1	1		nhà văn hóa thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
74	Xã Bắc Tiên Hưng									
	Trường MN An Châu Địa chỉ nhà đất 3: Thôn An Nạp	1	272.3	120	1	1		nhà văn hóa thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
75	xã Đông Tiên Hưng									
76	xã Nam Đông Hưng									
	Địa chỉ nhà đất 1: Trụ sở làm việc UBND xã Đông Hoàng tại thôn Thái Hòa 1	1	2.817.20		1	1		khu vui chơi	KCHT - thiết chế VH TT	
77	xã Bắc Đông Quan									
	Địa chỉ nhà đất 5: Trụ sở UBND xã Đông Giang cũ tại thôn Nam Tiến	1	2.443.10	322.5	1	1	Nhà văn Hoá xã Bắc Đông Quan, Trung tâm học tập cộng đồng	Nhà văn Hoá xã Bắc Đông Quan, Trung tâm học tập cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
	Địa chỉ nhà đất 4: Trụ sở UBND xã Đông Hà cũ tại thôn Tam Đồng, xã Hà Giang cũ	1	2.628.50	334	1	1		Nhà văn hóa thôn Tam Đồng, HTX Đông hà	KCHT - thiết chế VH TT	
	Địa chỉ nhà đất 3: Trường mầm non cũ tại thôn Duyên Hà, xã Đông Kinh cũ	1	428.9	70	1	1		nhà văn hóa thôn Duyên hà	KCHT - thiết chế VH TT	
	Địa chỉ nhà đất 5: Trường mầm non cũ tại thôn Lãm Khê, xã Đông Kinh	1	259.1	54	1	1		sân nhà văn hóa thôn Lãm Khê	KCHT - thiết chế VH TT	
78	xã Bắc Đông Hưng									

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý					Ghi chú
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng	Loại tài sản	
	Trường MN Đông Xá: Thôn Tân Tích	1	459.6	100	1	1		Nhà văn hóa thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường MN Đông Xá: Thôn Bắc Bình Cách	1	878	228	1	1		Nhà văn hóa thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
79	xã Đông Quan									
	Trụ sở UBND xã Đông Huy cũ tại thôn Nam Roanh xã Đông Quan cũ	1	2.166.40	523	1	1		nhà văn hóa thôn Nam Ranh, thôn Minh Châu	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trụ sở ĐU- HĐND-UBND xã Đông Tân (khu cũ)	1	1.816.40	640	1	1		sinh hoạt cộng đồng	KCHT - thiết chế VH TT	
80	xã Nam Tiên Hưng									
	Trụ sở làm việc UBND xã Minh Phú cũ thôn Thọ Tiến (Minh Châu cũ)	1	4.231.40	435	1	1		nhà văn hóa thôn Thọ tiến	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường MN Minh Châu: Thôn Thọ Sơn, xã Minh Phú cũ	1	860.4		1	1		NVH thôn Thọ Sơn	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường MN Đồng Phú: Thôn Đồng công, xã Minh phú cũ	1	552.1	225	1	1		NVH thôn Đồng Công	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường MN Đồng Phú: Thôn Cao Phú, xã Minh phú cũ	1	603.4	145	1	1		NVH thôn Cao Phú	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường MN Đồng Phú: Thôn Phú Vinh, xã Minh phú cũ	1	688.3	145	1	1		NVH thôn Phú Vinh	KCHT - thiết chế VH TT	
81	xã Tiên Hưng									
	Trụ sở làm việc UBND xã Bạch Đằng cũ tại thôn Trung Hậu I	1	6.525.50	1.024.00	1	1		sinh hoạt cộng đồng thôn Hậu trung 2.000m2	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường MN Minh Tân Địa chỉ nhà đất 3: Khu mầm non cũ tại thôn Hoàng Đức	1	490.6		1	1		nhà văn hóa thôn Hoàng Đức	KCHT - thiết chế VH TT	
82	xã Hưng Hà									
	Địa chỉ nhà đất 1: Điểm mầm non cũ khu Hợp Đông, xã Hồng Lĩnh (cũ)	1	411		1	1		nhà văn hóa thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
83	Xã Tiên La									
84	Xã Lê Quý Đôn									
85	Xã Hồng Minh									
	Địa chỉ nhà đất: Điểm trường mầm non cũ thôn Phú Mỹ, xã Minh Hòa (cũ)	1	162	74.8	1	1		giao thôn làm nhà văn hóa	KCHT - thiết chế VH TT	
86	Xã Thân Khê									
87	Xã Diên Hà									

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý					Ghi chú
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng	Loại tài sản	
	Điểm mầm non cũ tại thôn Truy Đình, xã Văn Cẩm cũ	1	1.435.70		1	1		quy hoạch công viên cây xanh	KCHT - thiết chế VH TT	
	Điểm mầm non cũ tại thôn Phú Hội, xã Dân Chủ cũ	1	266.6	99	1	1		quy hoạch công viên cây xanh	KCHT - thiết chế VH TT	
88	Xã Ngự Thiên									
	Trường Tiểu học và THCS Lưu Khánh Đàm: Địa chỉ nhà đất: Trường Tiểu học cũ tại thôn Vế, xã Canh Tân cũ	1	585.7	100	1	1		Nhà văn hóa thôn Vế	KCHT - thiết chế VH TT	
89	Xã Long Hưng									
90	Xã Kiến Xương									
91	Xã Lê Lợi									
92	Xã Quang Lịch									
	Trường Tiểu học và THCS Quang Lịch; Khu Tiểu học cũ ; Thôn Luật Trung, xã Quang Lịch cũ	1	1.581.00	400	1	1		Hội trường thôn Luật Trung	KCHT - thiết chế VH TT	
93	Xã Vũ Quý									
	Trường mầm non Vũ Trung cũ, Thôn 8, xã Vũ Trung cũ	1	601.1	225	1	1		làm nhà văn hóa thôn 8 xã Vũ Quý	KCHT - thiết chế VH TT	
94	Xã Bình Thanh									
	Trụ sở trạm y tế xã Minh Hưng cũ, Thôn Nguyễn Kinh 1, xã Minh Quang cũ	1	1.169.60	195	1	1		Nhà văn hóa thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
95	Xã Bình Định									
96	Xã Hồng Vũ									
	Địa chỉ nhà đất 6: Trường mầm non xã Vũ Thắng (cũ); Thôn 6, xã Hồng Vũ	1	1.195.60	180	1	1		quy hoạch khu cây xanh	KCHT - thiết chế VH TT	
97	Xã Bình Nguyên									
98	Xã Trà Giang									
99	Xã Vũ Thư									
	Trung tâm chính trị huyện Vũ Thư cũ	1	4.367.80	1267	1	1	quy hoạch công cộng (quy hoạch Quảng trường)	quy hoạch công cộng (quy hoạch Quảng trường)	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường Mn cũ - Thôn Dũng Thượng - Xã Dũng Nghĩa cũ	1	2.093.70	56	1	1		sân thể thao	KCHT - thiết chế VH TT	
	Trường mầm non cũ thôn Thắng Lợi, Địa chỉ: Thôn Thắng Lợi,	1	223.1	46.6	1	1		hội trường thôn	KCHT - thiết chế VH TT	
100	Xã Thư Trì									

STT	danh mục cơ sở nhà đất	Tổng số cơ sở nhà, đất theo QĐ2433	Thông tin cơ sở nhà, đất		Đề xuất điều chỉnh hình thức xử lý				Ghi chú	
			Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn sử dụng (m ²)	Tổng số cơ sở nhà đất sau điều chỉnh	cơ sở nhà đất giao cơ quan, tổ chức, đơn vị, UBND cấp xã quản lý, xử lý theo hình thức chuyển đổi công năng SD	Phương án thay đổi đề xuất xử lý (nếu có); lý do thay đổi	Hình thức xử lý/Mục đích sử dụng		Loại tài sản
	Trạm Y tế xã Minh Lãng (Cũ). Thôn Thanh Trai,	1	1.088.00		1	1		Mở rộng trụ sở UBND xã Thụ Trì	Trụ sở cơ quan	
	Trường mầm non Minh Lãng. Thôn Lại Xá	1	127.2		1	1		Mở rộng nhà văn hóa	Nhà văn hóa thôn	KCHT - thiết chế VH TT
101	Xã Tân Thuận									
	Trường mầm non xã Bách Thuận (Khu B). Thôn Bách Tĩnh	1	744.9	95.7	1	1		nhà văn hóa thôn Bách Tĩnh		KCHT - thiết chế VH TT
102	Xã Thụ Vũ									
103	Xã Vũ Tiên									
104	Xã Vạn Xuân									
	Trường Mầm non Hồng Lý (Nhà trẻ Mỹ Hòa), thôn Thượng Hộ Trung, xã Vạn Xuân, tỉnh Hưng Yên	1	329	60	1	1		nhà văn hóa thôn Thượng Hộ Trung		KCHT - thiết chế VH TT
	Đất trường mầm non Cự Lâm, (xã Xuân Hòa cũ) xã Vạn Xuân, tỉnh Hưng Yên	1	395	168	1	1		mục đích sinh hoạt cộng đồng thôn Cự Lâm		KCHT - thiết chế VH TT
	Nhà mẫu giáo Tân An xã Hồng Lý cũ	1	633.4	90	1	1		sinh hoạt cộng đồng thôn Thượng Hộ Bắc		KCHT - thiết chế VH TT
	Nhà mẫu giáo Tân Tiến xã Hồng Lý cũ	1	726.3	130	1	1		sinh hoạt cộng đồng thôn Gia Lạc		KCHT - thiết chế VH TT
	Trường Tiểu học Hồng Lý (khu vực Tân Phú HTX Tam Tĩnh)	1	2890.4	90	1	1		sinh hoạt cộng đồng thôn Phú Mỹ		KCHT - thiết chế VH TT